

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2006

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sánh QT/DT (%)	
		Dự toán Tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện		Dự toán Tỉnh	Dự toán HĐND
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	14.800.000.000	20.396.000.000	16.286.499.325	110,04	79,85
1	Thu nội địa (không kể thu dầu thô)	14.800.000.000	20.396.000.000	16.286.499.325	110,04	79,85
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu					
3	Thu viện trợ không hoàn lại					
B	Thu ngân sách huyện	59.047.000.000	64.643.000.000	92.242.947.678	156,22	142,70
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	9.300.000.000	10.396.000.000	10.135.777.512	108,99	97,50
2	Bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	44.247.000.000	44.247.000.000	63.723.816.000	144,02	144,02
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>10.917.000.000</i>	<i>10.917.000.000</i>	<i>30.393.816.000</i>	<i>278,41</i>	<i>278,41</i>
	<i>Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước</i>					
3	Thu ngoài cân đối quản lý qua KB	5.500.000.000	10.000.000.000	5.949.747.612	108,18	59,50
4	Nguồn kết dư ngân sách và chuyển nguồn từ năm trước sang			12.433.606.554		
C	Chi ngân sách huyện	59.047.000.000	64.643.000.000	83.697.164.671	141,75	129,48
1	Chi đầu tư phát triển	14.325.000.000	14.325.000.000	13.229.855.864	92,36	92,36
2	Chi thường xuyên	38.202.000.000	39.298.000.000	57.718.401.484	151,09	146,87
3	Dự phòng chi	1.020.000.000	1.020.000.000	(Số dự toán UBND huyện đã phân bổ cho các sự nghiệp theo thẩm quyền)		
4	Chi chuyển nguồn NS sang năm sau			5.215.788.068		
5	Chi ngoài cân đối quản lý qua KB	5.500.000.000	10.000.000.000	7.533.119.255	136,97	75,33

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2006**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện	Quyết toán	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	48.750.600.000	77.313.476.979	158,59
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	4.313.600.000	4.429.669.423	102,69
2	Thu ngoài cân đối	190.000.000	1.643.945.456	865,23
3	Bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	44.247.000.000	63.723.816.000	144,02
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>100,00</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>10.917.000.000</i>	<i>30.393.816.000</i>	<i>278,41</i>
4	Nguồn kết dư ngân sách và chuyển nguồn từ năm trước sang		7.516.046.100	
II	Chi ngân sách cấp huyện	48.750.600.000	70.973.994.596	145,59
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung ngân sách xã)	47.683.000.000	58.285.486.772	122,24
2	Chi ngoài cân đối	190.000.000	1.518.509.356	799,22
3	Bổ sung cho ngân sách xã	877.600.000	5.954.210.400	678,47
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>877.600.000</i>	<i>1.057.600.000</i>	<i>120,51</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>		<i>4.896.610.400</i>	
	<i>Trong đó: Vốn XDCCB ngoài nước</i>			
4	Chi chuyển nguồn sang năm sau		5.215.788.068	
B	NGÂN SÁCH XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách xã	16.770.000.000	20.883.681.099	124,53
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	6.082.400.000	5.706.108.089	93,81
2	Thu ngoài cân đối	9.810.000.000	4.305.802.156	43,89
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	877.600.000	5.954.210.400	678,47
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>877.600.000</i>	<i>1.057.600.000</i>	<i>120,51</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>		<i>4.896.610.400</i>	
	<i>Trong đó: Vốn XDCCB ngoài nước</i>			
4	Nguồn kết dư ngân sách		4.917.560.454	
II	Chi ngân sách xã	16.770.000.000	18.677.380.475	111,37
	<i>Trong đó: Chi ngoài cân đối</i>	<i>9.810.000.000</i>	<i>6.014.609.899</i>	<i>61,31</i>

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2006**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện	Quyết toán	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	48.750.600.000	77.313.476.979	158,59
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	4.313.600.000	4.429.669.423	102,69
2	Thu ngoài cân đối	190.000.000	1.643.945.456	865,23
3	Bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	44.247.000.000	63.723.816.000	144,02
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>100,00</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>10.917.000.000</i>	<i>30.393.816.000</i>	<i>278,41</i>
4	Nguồn kết dư ngân sách và chuyển nguồn từ năm trước sang		7.516.046.100	
II	Chi ngân sách cấp huyện	48.750.600.000	70.973.994.596	145,59
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung ngân sách xã)	47.683.000.000	58.285.486.772	122,24
2	Chi ngoài cân đối	190.000.000	1.518.509.356	799,22
3	Bổ sung cho ngân sách xã	877.600.000	5.954.210.400	678,47
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>877.600.000</i>	<i>1.057.600.000</i>	<i>120,51</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>		<i>4.896.610.400</i>	
	<i>Trong đó: Vốn XDCCB ngoài nước</i>			
4	Chi chuyển nguồn sang năm sau		5.215.788.068	
B	NGÂN SÁCH XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách xã	16.770.000.000	20.883.681.099	124,53
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	6.082.400.000	5.706.108.089	93,81
2	Thu ngoài cân đối	9.810.000.000	4.305.802.156	43,89
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	877.600.000	5.954.210.400	678,47
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>877.600.000</i>	<i>1.057.600.000</i>	<i>120,51</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>		<i>4.896.610.400</i>	
	<i>Trong đó: Vốn XDCCB ngoài nước</i>			
4	Nguồn kết dư ngân sách		4.917.560.454	
II	Chi ngân sách xã	16.770.000.000	18.677.380.475	111,37
	<i>Trong đó: Chi ngoài cân đối</i>	<i>9.810.000.000</i>	<i>6.014.609.899</i>	<i>61,31</i>